TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2026/HNGĐ- ST
Ngày 10/03/2026
"V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Mấy và bà Ngô Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Thanh Hóa;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Cảnh - Kiểm sát viên;

Vào ngày 10 tháng 03 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2025/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên toà số 07/2026/QĐST-HNGĐ ngày 11/02/2026 và Thông báo về việc hoãn phiên toà dân sự sơ thẩm số 03/TB-TA ngày 23/02/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị H - Sinh năm: 1989

CCCD số 038189028442 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 12/7/2021.

HKTT: Bản Đ, xã H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 26/01/2026).

- Bị đơn: Anh Hà Văn C - Sinh năm: 1984

Số định danh cá nhân: 038084051043

HKTT: Bản Đ, xã H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hà Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng kí kết hôn tại UBND xã P, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND xã H, tỉnh Thanh Hoá) vào ngày 07/4/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống đầm ấm hạnh phúc tại Bản Đ, xã H, tỉnh Thanh Hóa. Tuy nhiên, từ năm 2024 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau, dẫn đến không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Đến nay, chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Văn C.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên là Hà Ngọc A – Sinh ngày 11/04/2019 và cháu Hà Minh T – Sinh ngày 21/02/2008, hiện cháu Ngọc A đang ở cùng chị H và cháu T đang ở cùng anh C. Nay ly hôn, chị H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ngọc A và giao cháu T cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Về phần cấp dưỡng nuôi con chung, chị H không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Hà Minh T có nguyện vọng ở cùng bố là anh Hà Văn C.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý và triệu tập hợp lệ anh C đến tòa án để làm bản tự khai nhưng anh C vắng mặt nên không có lời khai của anh C trong hồ sơ vụ án. Chị H đề nghị không tiến hành hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Tòa án cũng đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự nhưng anh C không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh C. Anh C cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, chị H đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên

căn cứ điều 227, điều 228, điều 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh C.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị H được ly hôn anh C. Về con chung: Giao cháu Hà Ngọc A – Sinh ngày 11/04/2019 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi). Về phần cấp dưỡng nuôi con chung, chị H không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét. Cháu Hà Minh T – Sinh ngày 21/02/2008 đến thời điểm xét xử đã đủ 18 tuổi, hoàn toàn khoẻ mạnh nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản và công nợ chung: Chị H và anh C đều không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Hà Thị H và anh Hà Văn C đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, đăng kí kết hôn tại UBND xã P, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND xã H, tỉnh Thanh Hoá) vào ngày 07/4/2008 và không vi phạm các điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình chung sống đến năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau, dẫn đến không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Vợ chồng có sự nghi ngờ về mặt tình cảm, thiếu tin tưởng lẫn nhau. Vì thế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Việc này đã được Trưởng bản Đồng Tâm và chính quyền địa phương xác nhận, phù hợp với nội dung xác minh tình trạng hôn nhân của Toà án. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Hà Thị H được ly hôn anh Hà Văn C để giải phóng cho người phụ nữ là cần thiết và phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung: Chị H và anh C có 02 con chung tên là Hà Ngọc A – Sinh ngày 11/04/2019 và cháu Hà Minh T – Sinh ngày 21/02/2008, hiện cháu A đang ở cùng chị H và cháu T đang ở với anh C. Nay ly hôn, chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Ngọc A và giao cháu T cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi). Cháu T có nguyện vọng ở cùng bố. Xét hoàn cảnh thực tế, hiện cháu Ngọc A đang ở cùng chị H và được chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Để đảm bảo điều kiện phát triển ổn định bình thường cho con trẻ, tránh sự xáo trộn trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Ngọc A cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi) là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế, giới tính, nguyện vọng của cháu Ngọc A và các quy định của pháp luật. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, chị H không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Cháu T đến thời điểm xét xử đã đủ 18 tuổi, hoàn toàn khoẻ mạnh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản và công nợ: Chị H và anh C không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Khoản 4 Điều 207, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án..

Về hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị H được ly hôn anh Hà Văn C.

Về con chung: Giao cháu Hà Ngọc A – Sinh ngày 11/04/2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên.

Anh Hà Văn C có quyền, nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/25E/0001936 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chị H đã thi hành xong khoản tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị H và anh C. Chị Hà Thị H và anh Hà Văn C có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân		**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**
Ngô Thị Lan	**Phan Thị Mấy**	**Phạm Văn Hùng**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 13 - Thanh Hóa;
- VKSND T.Thanh Hóa;
- TAND T.Thanh Hóa;
- THADS T.Thanh Hóa;
- UBND X.Hồi Xuân, T.Thanh Hoá.
- Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hùng